

Dữ liệu thị trường ngày 22/06/2026

| Tổng quan | VN-Index | HNX-Index |
|-----------------|-----------------|---------------|
| Chỉ số | 1.857,91 | 321,06 |
| Thay đổi (điểm) | 33,38 | -3,77 |
| Thay đổi (%) | 1,83 | -1,16 |
| KLGD (triệu cp) | 518 | 38 |
| GTGD (tỷ đồng) | 14.597 | 753 |

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

| | | |
|-------|------|-----------|
| HOSE | -174 | (tỷ đồng) |
| HNX | -31 | (tỷ đồng) |
| UPCOM | 0,3 | (tỷ đồng) |



- Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX**
- Ảnh hưởng tích cực:**
VIC, VHM, BID, LPB,...
- Ảnh hưởng tiêu cực:**
VCB, GVR, STB, MBB,...

NHÓM VINGROUP KÉO THỊ TRƯỜNG TĂNG HƠN 30 ĐIỂM DÙ THANH KHOẢN HẠ NHIỆT

Chuyển động thị trường và dự báo:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/06, VNINDEX tăng mạnh 33,38 điểm (+1,83%) lên 1.857,91 điểm. Diễn biến thị trường cho thấy sự phân hóa rõ nét 342 mã giảm giá nhỉnh hơn 324 mã tăng. Động lực chính của thị trường đến từ nhóm bất động sản khi VIC và VHM đồng loạt tăng trần, qua đó giúp toàn ngành bút phá 5,58%. Sắc xanh cũng lan sang một số nhóm ngành khác, trong đó năng lượng và tiện ích lần lượt tăng 1,14% và 0,83%, được hỗ trợ bởi diễn biến tích cực của PVD (+3,54%), POW (+4,32%) và REE (+1,59%). Ở chiều ngược lại, nhóm công nghệ thông tin chịu áp lực điều chỉnh mạnh nhất thị trường khi giảm 1,24%, với FPT (-1,26%), CMG (-1,44%) và ELC (-3,02%) đồng loạt suy yếu. Trong khi đó, dù lực cầu xuất hiện tại GEX (+2,17%), ACV (+1,58%) và BMP (+4,34%), nhóm công nghiệp vẫn không thể thoát khỏi sắc đỏ và khép phiên với mức giảm 0,43%.

Thanh khoản thị trường đạt 14.597 tỷ đồng, giảm 22,37% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền vẫn duy trì sự thận trọng dù chỉ số ghi nhận mức tăng mạnh. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 205 tỷ đồng, chủ yếu tập trung tại FPT với giá trị 207 tỷ đồng. Ở chiều mua, VIC là tâm điểm giải ngân với giá trị 375 tỷ đồng, góp phần đưa tổng giá trị mua lên 1.602 tỷ đồng.

Phiên tăng mạnh chủ yếu được dẫn dắt bởi nhóm bất động sản, trong khi dòng tiền chưa cho thấy sự lan tỏa rõ nét đến toàn thị trường. Nhà đầu tư cần theo dõi diễn biến thanh khoản và độ rộng thị trường trong các phiên tiếp theo trước khi gia tăng tỷ trọng danh mục.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: VJC, MWG, HDB, NLG, DXG, CTG, GMD, SAB.



Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

| Mã cổ phiếu | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ |
|-------------|--------------|------------|
| MWG | 88.000 | 73.500 |
| CTG | 37.000 | 32.500 |
| DGW | 45.000 | 37.500 |
| SSI | 30.500 | 25.500 |
| VPB | 29.300 | 25.200 |
| GMD | 86.000 | 72.000 |
| MBB | 27.000 | 24.000 |

Danh sách công bố ngày 05/06/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Vùng mua | Mục tiêu | Cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ suất sinh lời | Trạng thái |
|-------------------------|------------------|----------------|------------------|----------|---------|----------|------------------|------------|
| NLG | 17/6/2026 | ~27.600 | ~32.000-35.000 | <24.500 | | | -3,62% | Nắm giữ |
| DXG | 16/6/2026 | ~13.150 | ~15.000-16.000 | <11.000 | | | -1,14% | Nắm giữ |
| GEX | 12/6/2026 | ~30.500 | ~36.000-45.000 | <27.000 | | | +0,49% | Nắm giữ |
| SAB | 11/6/2026 | ~48.750 | ~52.000-57.000 | <45.000 | | | -1,13% | Nắm giữ |
| VCK | 9/6/2026 | ~33.500 | ~35.000-38.000 | <31.5000 | | | -0,60% | Nắm giữ |
| VJC(**) | 5/6/2026 | ~133,850 | ~142.310-169.230 | <111.540 | | | +4,22% | Nắm giữ |
| MWG(*) | 4/6/2026 | ~75.000-78.500 | ~85.000-95.000 | <74.000 | | | -1,28% | Nắm giữ |

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Chỉ báo MACD cho tín hiệu mua vào ngày 10/06/2026 (Giá mua dùng để tính toán của MWG lấy tại mức giá đóng cửa là 78.200 tại ngày 10/06/2026).

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 06.2026 (*):

| Mã | Thông tin | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Tỷ suất sinh lời kỳ vọng |
|------------|---|------------------|-----------------------------------|--------------|------------|--------------------------|
| MWG | - KQKD 4 tháng duy trì tích cực, (i) doanh thu ĐMX 43,3 nghìn tỷ, tăng 33% YoY nhờ đóng góp tăng trưởng doanh thu/cửa hàng (+33%) của 2 chuỗi TGDĐ&ĐMX và doanh thu gần gấp đôi của EraBlue; (ii) doanh thu BHX đạt 18 nghìn tỷ trong 4T, tăng 20% YoY và mở mới 403 cửa hàng. Ban lãnh đạo cho rằng, ĐMX doanh thu Q2 cao hơn Q1, và tổng doanh thu cả năm 2026 có thể đạt 1,5 lần 2025. Tăng trưởng và cải thiện đến từ hầu hết các mảng đang kinh doanh. | 05/06/2026 | 78.000 | 88.000 | 73.500 | 12,8% |
| CTG | - Tăng trưởng tín dụng 2,5% trong 4 tháng, so với mức tăng trưởng 1,8% của Q1. CTG đặt mục tiêu dự phòng 17-18 nghìn tỷ, đi ngang so với cùng kỳ, thu nhập từ thu hồi nợ 10 nghìn tỷ, quý 1 đạt 2,2 nghìn tỷ (+15% YoY), tỷ lệ bao nợ xấu LLR 167% trong Q1. CTG là ngân hàng có LLR cao thứ 2 hệ thống, là một trong số ít có NIM cải thiện trong Q1, định giá hấp dẫn. | 05/06/2026 | 33.900 | 37.000 | 32.500 | 9,1% |
| DGW | - Doanh thu tháng 5 tăng 13% so với tháng trước và 14% so với cùng kỳ. Trong đó: Máy tính tăng 65% YoY, thiết bị văn phòng tăng 39% YoY, thiết bị gia dụng tăng 29% YoY nhờ thời tiết nắng nóng và mùa World Cup. Lũy kế 5T, doanh thu tăng 42% so với cùng kỳ. DGW đang giao dịch khá hấp dẫn với P/E 13,8 lần so với trung bình 5 năm 18,7 lần. | 05/06/2026 | 39.900 | 45.000 | 37.500 | 12,8% |
| SSI | - Lợi nhuận trước thuế Q1 tăng 52% YoY, đạt 1,6 nghìn tỷ, đóng góp bởi các mảng cốt lõi, doanh thu môi giới tăng 95% YoY, doanh thu từ cho vay ký quỹ tăng 67% YoY. Khối ngoại bán ròng 65 nghìn tỷ trong 5T2026, điều này dẫn đến vai trò dòng tiền nội năng đỡ, và thúc đẩy margin chung của toàn ngành. SSI đã hoàn tất tăng vốn vào tháng 12.2025, vốn điều lệ tăng từ 20,8 lên mức 24,9 nghìn tỷ và thời gian tới tăng vốn lên 30 nghìn tỷ. | 05/06/2026 | 27.000 | 30.500 | 25.500 | 13,0% |
| VPB | - KQKD Q1.2026: LNTT đạt 7,9 nghìn tỷ, +58% YoY. Thu nhập lãi thuần +26,7% YoY, nhờ tín dụng hợp nhất +10,3% YTD, tín dụng ngân hàng mẹ tăng 10,8% YTD. Tăng trưởng huy động +8,7% YTD, CASA 13,9% đi ngang so với cùng kỳ. NIM giảm còn 5,47%, giảm 46 điểm % (0,46%) so với cùng kỳ. Nợ xấu 3,58% (giảm 116 điểm % YoY). | 05/06/2026 | 26.450 | 29.300 | 25.200 | 10,8% |
| GMD | - Theo ĐHCĐ, sản lượng cảng Nam Đình Vũ tháng 4 tăng 20% so với tháng 3, quý 1 vừa qua sản lượng NĐV giảm 8% YoY do mức nền cao của năm ngoái, ngoài ra các tuyến dịch vụ của MSC chuyển sang Lạch Huyện (PHP), nhưng ban lãnh đạo vẫn tự tin về việc thu hút thêm các tuyến khác. Gemalink tháng 4 tăng 43% YoY, vươn lên dẫn đầu cụm cảng CM-TV. | 05/06/2026 | 76.200 | 86.000 | 72.000 | 12,9% |
| MBB | - KQKD Q1.2026: LNTT +14,8% YoY. Thu nhập lãi thuần +27,5% YoY, nhờ tín dụng hợp nhất tăng 3,4% YTD, và tín dụng ngân hàng mẹ tăng 3,3% YTD, so với mức 2,7% cùng kỳ. Tiền gửi -1,7% YTD, kéo theo CASA còn 33,1% (Q1.2025: 35,9%). NIM 3,8% (Q1.2025: 4,19%). Nợ xấu 1,42%, bao phủ nợ xấu 92,2%. | 05/06/2026 | 25.00 | 27.000 | 24.000 | 8,0% |

***Danh mục tháng 06.2026 so với tháng 05.2026, chúng tôi loại KDH và VGC, trong khi thêm mới GMD, SSI và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, DGW.** Chúng tôi loại KDH và VGC, để thực hiện tái cấu trúc danh mục phù hợp với thị trường hơn và sẽ cân nhắc thêm lại sau. Đối với Khang Điền (KDH), giá cổ phiếu đã giảm mạnh thời gian qua và ở vùng định giá hấp dẫn, dự kiến tháng 6 khai trương nhà mẫu và nhận booking cho dự án Gladia Heights, và tháng 7 mở bán đợt 1 dự án này, môi trường lãi suất cao đã ảnh hưởng đến nhóm cổ phiếu bất động sản như KDH, NLG nhưng về dài hạn vẫn khả quan, đây đều là các chủ đầu tư uy tín. Với Viglacera (VGC), dự kiến ghi nhận doanh thu mạnh hơn trong Q2 và Q3, ngành khu công nghiệp vẫn đang đợi một Nghị quyết riêng về thu hút FDI, số liệu FDI cả nước tháng 5 và 5 tháng đầu năm tích cực. Đối với SSI, kỳ vọng MSCI thêm Việt Nam vào Danh sách theo dõi để nâng hạng vào tháng 6 này, bên cạnh những bước tiến về cải cách của thị trường chứng khoán VN, Ủy ban chứng khoán đặt mục tiêu vận hành CCP vào Q1.2027. Chúng tôi tiếp tục ưa thích MWG cho chiến lược dài hạn, giá cổ phiếu giảm mạnh gần đây do thanh khoản chung của thị trường và sự thu hút dòng tiền với thương vụ ipo của ĐMX, điều này dẫn đến cơ hội mua vùng giá rất hấp dẫn cho MWG. Tương tự, DGW cũng thuộc ngành phân phối hàng công nghệ & tiêu dùng, hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng là điểm sáng, DGW hưởng lợi từ việc nâng cấp thiết bị công nghệ phục vụ cho hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo. Với nhóm ngân hàng, CTG tiếp tục là lựa chọn hàng đầu cho chiến lược cổ phiếu ngân hàng có tính phòng thủ, tăng trưởng tín dụng và huy động cân bằng, đồng thời quản lý hiệu quả kinh doanh, giá cổ phiếu CTG theo chúng tôi thấy là hấp dẫn nhất nhóm ngân hàng quốc doanh. Với MBB và VPB, hai ngân hàng đều có room tín dụng cao, MBB cho thấy sự vững vàng và đồng đều ở các mảng cho vay hơn; trong khi VPB tập trung nhiều vào tín dụng tiêu dùng và bất động sản, biến động hơn khi lãi suất cao, dù là vậy thương vụ phát hành riêng lẻ của VPB đáng được mong đợi. Chúng tôi thêm trở lại GMD, hoạt động xuất nhập khẩu tháng 5 tích cực giúp thúc đẩy sản lượng lưu thông qua các cảng biển, Gemalink đã vươn lên vị trí top 1 về sản lượng khu vực Cái Mép Thị Vải; GMD cũng đã đề ra 4 trụ cột chiến lược bao gồm Cảng biển, hệ sinh thái logistics, và hai mảng mới gồm Dịch vụ vận tải đường thủy và biển nhờ việc nâng tỷ lệ CJ Shipping và mảng Dịch vụ công nghiệp hàng hải khi cung cấp nhiều dịch vụ bảo hiểm, tài chính hàng hải nhờ kết nối với trung tâm tài chính quốc tế tphcm. Chúng tôi cho rằng, lãi suất cao, lạm phát ảnh hưởng đến các chính sách tiền tệ VN, điều này cũng là bối cảnh chung của nhiều ngân hàng trung ương thế giới do giá năng lượng tăng. Trong những mảng tối, vẫn có những điểm tích cực, như FDI, thương mại, sản xuất công nghiệp, nhiều dự án hạ tầng quan trọng của đất nước được đẩy mạnh. Tương tự tháng 4, chúng tôi cho rằng, nhà đầu tư tiếp tục giữ tỷ trọng cân bằng, quản trị rủi ro, kiên nhẫn chờ đợi tín hiệu dòng tiền bùng nổ trở lại, bộ đệm của thị trường là nhiều nhóm cổ phiếu đã giảm mạnh thời gian qua và về vùng giá hấp dẫn như ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ,...điều này sẽ giúp Vnindex tránh được giảm sốc diện rộng, dù có thể vẫn còn rung lắc. **"Thành công của đầu tư không đến từ tốc độ, mà đến từ sự không bỏ cuộc"**

Kỳ họp thứ 3 HĐND TP.HCM khóa XI đã thông qua 56 nghị quyết, trong đó có nhiều quyết sách quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển hạ tầng giai đoạn mới. Nổi bật là các dự án chiến lược như đường vượt biển Cần Giở – Vũng Tàu, cầu Cần Giở, cao tốc đô thị Hồ Tràm – sân bay Long Thành, công viên Bến Nhà Rồng – Khánh Hội và chỉnh trang khu Mỏ Lạng, chợ Gà – chợ Gạo theo hình thức PPP. Riêng dự án Mỏ Lạng sẽ tái định cư tại chỗ cho hơn 2.000 hộ dân, góp phần cải thiện bộ mặt đô thị trung tâm TP. Đồng thời, HĐND cũng thông qua nhiều chính sách an sinh như miễn phí 100% vé xe buýt, đầu tư bệnh viện, hỗ trợ người có công và các đối tượng chính sách. Lãnh đạo TP khẳng định mục tiêu tăng trưởng trên 10% là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông, metro và chuyển đổi xanh với mục tiêu 100% xe buýt nội đô sử dụng điện vào năm 2027. Trong 6 tháng đầu năm 2026, TP.HCM thu ngân sách 500.069 tỷ đồng (đạt 61,9% dự toán), tổng vốn đầu tư đạt 312.429 tỷ đồng (+10,9%) và doanh thu du lịch đạt 213.980 tỷ đồng (+63,9%).

Hà Nội đã khởi công đồng loạt 5 tuyến metro và 3 dự án nhà ở cho thuê, đánh dấu chương trình đầu tư hạ tầng và an sinh xã hội lớn nhất từ trước tới nay của Thủ đô. Năm tuyến metro có tổng chiều dài khoảng 303,5 km, tổng vốn đầu tư sơ bộ hơn 1,3 triệu tỷ đồng, do liên danh Vinhomes – VinSpeed làm tổng thầu EPC, với mục tiêu cơ bản hoàn thành vào năm 2030. Đồng thời, thành phố triển khai 3 dự án nhà ở cho thuê với hơn 8.000 căn hộ, tổng vốn trên 30.000 tỷ đồng, trong đó khoảng 4.000 căn hộ cho thuê dài hạn. Lãnh đạo Hà Nội cho biết đây là bước đi chiến lược nhằm phát triển hạ tầng đồng bộ, đa dạng hóa nguồn cung nhà ở, nâng cao chất lượng sống người dân và tạo động lực tăng trưởng kinh tế bền vững trong nhiều thập kỷ tới.

MBB: Tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 5 đạt khoảng 10% so với đầu năm, tăng mạnh so với mức 3,3% Q1. MB đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng tín dụng khoảng 30% trong năm 2026 sau khi đạt mức tăng gần 37% năm 2025. Động lực đến từ hơn 35 triệu khách hàng (hướng tới 40 triệu trong năm 2026), dư nợ vượt 1 triệu tỷ đồng, tổng tài sản trên 1,6 triệu tỷ đồng và CASA đạt 38,5%. Ngân hàng duy trì nợ xấu dưới 1,3%, CIR giảm còn 26,05% nhờ chuyển đổi số. MB định hướng ưu tiên cho vay sản xuất, xuất khẩu, FDI, thương mại và hộ kinh doanh; đồng thời nâng vốn điều lệ vượt 100.000 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2026 đặt mục tiêu lợi nhuận trên 40.000 tỷ đồng (+15%), với kỳ vọng duy trì tăng trưởng tín dụng 30-35% trong 3 năm tới.

CTG: Đến cuối tháng 5/2026, tổng tài sản đạt khoảng 3 triệu tỷ đồng (+6% YTD), dư nợ tín dụng tăng 3,8% so với đầu năm và đạt 1,5 triệu tỷ, huy động vốn tăng 3,5%. Chất lượng tài sản duy trì tích cực với nợ xấu khoảng 1-1,2% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu 163%. Tính đến số liệu mới nhất vào khoảng giữa tháng 6 thì tín dụng khoảng 4,4-4,5%. Tăng trưởng tín dụng đến cuối tháng 5 đạt 3,8% cho thấy sự tăng tốc cho vay ở quý 2 nhiều hơn quý 1. Tăng trưởng tín dụng quý 1 đạt 1,8%.

VPB: ký kết hợp tác chiến lược với Taptap Send nhằm mở rộng dịch vụ kiều hối, cho phép hơn 30 triệu khách hàng nhận tiền quốc tế nhanh chóng, tự động 24/7 và miễn phí. Hợp tác giúp VPBank gia tăng năng lực trong mảng thanh toán quốc tế, mở rộng hệ sinh thái dịch vụ và đón đầu dòng kiều hối về Việt Nam, ước đạt 18 tỷ USD năm 2025. Thỏa thuận cũng mở ra cơ hội hợp tác sâu rộng hơn với hệ sinh thái của SMBC tại nhiều quốc gia trong khu vực, đồng thời củng cố vị thế quốc tế của VPBank.

BSR: sẽ chốt danh sách cổ đông ngày 12/8 để chi trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 3% (300 đồng/cp), tương đương hơn 1.500 tỷ đồng, dự kiến thanh toán ngày 11/9. Với sở hữu 92,13%, Petrovietnam sẽ nhận khoảng 1.382 tỷ đồng. Trước đó, BSR đã trả cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 30%, phát hành hơn 930 triệu cổ phiếu mới.

ABB: ABBank được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm tối đa 6.112,8 tỷ đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu (2.095 tỷ đồng), chào bán cho cổ đông hiện hữu (3.213 tỷ đồng) và phát hành ESOP (803 tỷ đồng). Sau các đợt phát hành, vốn điều lệ dự kiến tăng từ gần 14.000 tỷ đồng lên hơn 20.000 tỷ đồng vào quý I/2027.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 07/01/2026 | 89.800 | 09/02/2026 | 89.300 | -0,56% | 83.800–94.400 | -4,23% |
| CTG | 07/01/2026 | 37.450 | 09/02/2026 | 37.100 | -0,93% | 36.800–43.500 | -4,41% |
| KBC | 07/01/2026 | 35.800 | 09/02/2026 | 34.500 | -3,63% | 33.300–38.200 | -4,19% |
| GMD | 07/01/2026 | 62.700 | 09/02/2026 | 71.300 | 13,72% | 61.900–75.000 | -4,78% |
| VPB | 07/01/2026 | 29.250 | 09/02/2026 | 26.750 | -8,55% | 26.650–31.450 | -4,96% |
| DBC | 07/01/2026 | 26.850 | 09/02/2026 | 26.750 | -0,37% | 25.750–29.650 | -3,91% |
| MBB | 07/01/2026 | 26.700 | 09/02/2026 | 27.600 | 3,37% | 26.000–28.300 | -4,12% |
| VNINDEX | 07/01/2026 | 1.861,58 | 09/02/2026 | 1.754,82 | -5,73% | 1.749,87–1.918,46 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02 | | | | | 0,43% | | -4,37% |

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 09/02/2026 | 89.300 | 09/03/2026 | 77.000 | -13,77% | 77.000–94.300 | -5,38% |
| CTG | 09/02/2026 | 37.100 | 09/03/2026 | 33.200 | -10,51% | 33.200–39.100 | -4,85% |
| KBC | 09/02/2026 | 34.500 | 09/03/2026 | 29.900 | -13,33% | 29.900–36.350 | -5,80% |
| HCM | 09/02/2026 | 22.900 | 09/03/2026 | 21.750 | -5,02% | 21.750–25.750 | -5,24% |
| VPB | 09/02/2026 | 26.750 | 09/03/2026 | 24.800 | -7,29% | 24.800–29.500 | -4,67% |
| DBC | 09/02/2026 | 26.750 | 09/03/2026 | 22.900 | -14,39% | 22.900–27.550 | -4,67% |
| MBB | 09/02/2026 | 27.600 | 09/03/2026 | 24.850 | -9,96% | 24.850–29.500 | -5,07% |
| VNINDEX | 09/02/2026 | 1.754,82 | 09/03/2026 | 1.652,79 | -5,81% | 1.650,49–1.899,44 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02 | | | | | -10,61% | | -5,10% |

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 09/03/2026 | 77.000 | 07/04/2026 | 78.000 | 1,30% | 74.200–83.900 | -7,79% |
| CTG | 09/03/2026 | 33.200 | 07/04/2026 | 33.700 | 1,51% | 32.000–35.750 | -7,53% |
| STB | 09/03/2026 | 60.800 | 07/04/2026 | 61.700 | 1,48% | 58.100–69.200 | -7,89% |
| HCM | 09/03/2026 | 21.750 | 07/04/2026 | 24.250 | 11,49% | 19.100–24.600 | -7,59% |
| VPB | 09/03/2026 | 24.800 | 07/04/2026 | 26.050 | 5,04% | 23.900–27.350 | -8,06% |
| VCB | 09/03/2026 | 57.300 | 07/04/2026 | 58.000 | 1,22% | 56.500–62.000 | -7,33% |
| MBB | 09/03/2026 | 24.850 | 07/04/2026 | 25.600 | 3,02% | 24.850–27.100 | -7,44% |
| VNINDEX | 09/03/2026 | 1.652,79 | 07/04/2026 | 1.677,54 | 1,50% | 1.586–1.743 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04 | | | | | 3,58% | | -7,66% |

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

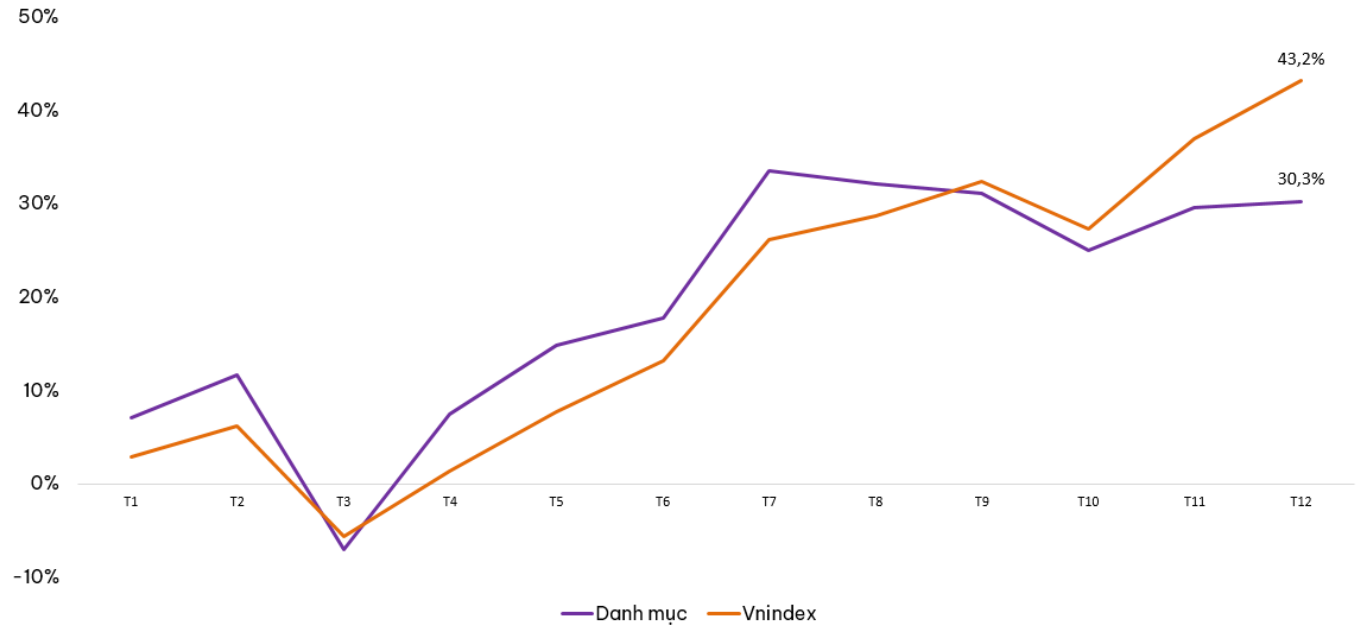
| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 07/04/2026 | 78.000 | 07/05/2026 | 86.000 | 10,26% | 79.800–88.500 | -5,13% |
| CTG | 07/04/2026 | 33.700 | 07/05/2026 | 35.800 | 6,23% | 34.300–36.800 | -5,04% |
| GMD | 07/04/2026 | 71.900 | 07/05/2026 | 79.500 | 10,57% | 71.000–80.600 | -6,12% |
| MSN | 07/04/2026 | 75.100 | 07/05/2026 | 81.000 | 7,86% | 76.100–82.500 | -6,13% |
| VPB | 07/04/2026 | 26.050 | 07/05/2026 | 28.150 | 8,06% | 26.500–28.500 | -6,72% |
| KDH | 07/04/2026 | 25.000 | 07/05/2026 | 24.200 | -3,20% | 24.000–26.950 | -6,00% |
| MBB | 07/04/2026 | 25.600 | 07/05/2026 | 26.100 | 1,95% | 25.750–27.100 | -4,30% |
| VNINDEX | 07/04/2026 | 1.677,54 | 07/05/2026 | 1.909,01 | 13,80% | 1.706,59–1.924,95 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 - 07/05 | | | | | 5,96% | | -5,63% |

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 07/05/2026 | 86.000 | 05/06/2026 | 78.000 | -9,30% | 74.200-85.900 | -5,13% |
| CTG | 07/05/2026 | 35.800 | 05/06/2026 | 33.900 | -5,31% | 33.700-36.800 | -5,04% |
| DGW* | 07/05/2026 | 44.200 | 05/06/2026 | 39.900 | -7,58% | 39.100-43.000 | -6,12% |
| VGC | 07/05/2026 | 43.850 | 05/06/2026 | 41.500 | -5,36% | 41.500-45.600 | -6,13% |
| VPB* | 07/05/2026 | 28.150 | 05/06/2026 | 26.450 | -4,35% | 25.650-28.250 | -6,72% |
| KDH | 07/05/2026 | 24.200 | 05/06/2026 | 22.900 | -5,37% | 21.600-24.400 | -6,00% |
| MBB | 07/05/2026 | 26.100 | 05/06/2026 | 25.000 | -4,21% | 24.500-26.550 | -4,30% |
| VNINDEX | 07/05/2026 | 1.909 | 05/06/2026 | 1.838,9 | -3,67% | 1.798-1.933 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 05/06 | | | | | -5,93% | | -5,27% |

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



| (2025) | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
|----------|------|------|--------|-------|------|------|-------|-------|-------|-------|------|------|
| Danh mục | 7,1% | 4,6% | -18,7% | 14,6% | 7,3% | 2,9% | 15,9% | -1,4% | -1,0% | -6,1% | 4,5% | 0,7% |
| Vnindex | 2,9% | 3,4% | -11,9% | 7,0% | 6,4% | 5,4% | 13,0% | 2,5% | 3,7% | -5,1% | 9,7% | 6,1% |

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.